

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>791,415,353,191</b>	<b>785,719,874,823</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>90,099,021,635</b>	<b>128,714,275,030</b>
1. Tiền	111		90,099,021,635	128,714,275,030
2. Các khoản tương đương tiền	112			-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>90,455,000,000</b>	<b>39,200,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	90,455,000,000	39,200,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>315,199,150,134</b>	<b>346,212,284,695</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	298,524,426,373	304,440,307,151
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	13,950,397,265	37,848,034,095
3. Phải thu nội bộ	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	2,724,326,496	3,923,943,449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>264,961,828,753</b>	<b>254,289,572,493</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	280,326,763,757	275,111,439,909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(15,364,935,004)	(20,821,867,416)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30,700,352,669</b>	<b>17,303,742,605</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	314,521,339	195,920,040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20,232,214,296	7,640,738,463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.18	1,815,405,088	1,535,840,479
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	8,338,211,946	7,931,243,623

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>448,103,648,862</b>	<b>433,143,921,012</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>370,043,857,734</b>	<b>354,143,603,975</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	300,913,005,207	312,661,802,264
<i>Nguyên giá</i>	222		415,898,366,862	415,526,757,562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(114,985,361,655)	(102,864,955,298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	24,430,166,760	24,503,311,419
<i>Nguyên giá</i>	228		25,131,041,240	25,131,041,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(700,874,480)	(627,729,821)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	44,700,685,767	16,978,490,292
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>60,665,242,690</b>	<b>60,665,242,690</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	60,655,242,690	60,655,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17,394,548,438</b>	<b>18,335,074,347</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	16,431,008,838	17,371,534,747
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		963,539,600	963,539,600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,239,519,002,053</b>	<b>1,218,863,795,835</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>465,580,128,413</b>	<b>603,832,177,186</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>316,681,406,608</b>	<b>458,981,584,813</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	121,152,000,000	306,486,178,450
2. Phải trả người bán	312	V.16	155,955,496,552	103,544,659,164
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	905,822,165	1,195,341,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	12,089,846,642	13,998,180,564
5. Phải trả người lao động	315	V.19	15,210,983,629	20,260,469,687
6. Chi phí phải trả	316	V.20	425,380,580	677,969,109
7. Phải trả nội bộ	317			-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	3,317,962,042	4,137,963,977
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	7,623,914,998	8,680,822,348
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>148,898,721,805</b>	<b>144,850,592,373</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-
3. Phải trả dài hạn khác	333			-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	147,594,486,693	143,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	1,304,235,112	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339			-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>773,938,873,640</b>	<b>615,031,618,649</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>773,938,873,640</b>	<b>615,031,618,649</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	353,280,000,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-
4. Cổ phiếu quỹ	414			-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6,011,325,984)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	234,862,199,624	196,903,618,649
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
2. Nguồn kinh phí	432			-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,239,519,002,053</b>	<b>1,218,863,795,835</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		4,509,970.25	3,138,850.66
Euro (EUR)		418.01	420.74
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 04 năm 2010

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Trương Tuyết Phương**  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**QUÝ I/2010**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2010	Quý I/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	645,085,005,459	522,203,408,377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	597,289,119	6,974,610,571
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	644,487,716,340	515,228,797,806
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	538,491,384,191	442,114,542,776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		105,996,332,149	73,114,255,030
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19,225,642,504	11,528,904,960
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15,901,046,771	26,649,642,191
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7,340,530,578	14,697,187,875
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	58,498,575,049	31,175,604,089
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6,300,618,670	3,339,469,871
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44,521,734,163	23,478,443,839
11. Thu nhập khác	31	VI.7	203,996,016	47,831,843
12. Chi phí khác	32	VI.8	34,169,522	5,234,091
13. Lợi nhuận khác	40		169,826,494	42,597,752
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		44,691,560,657	23,521,041,591
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	6,732,979,682	2,854,463,195
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>37,958,580,975</u>	<u>20,666,578,396</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 04 năm 2010

---

**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng

---

**Trương Tuyết Phương**  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp gián tiếp)****QUÝ I/2010**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ I/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>44,691,560,657</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	12,193,551,016
- Các khoản dự phòng	03		(5,456,932,412)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		3,772,368,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,452,492,045)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7,340,530,578
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>61,088,585,794</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11,293,592,292
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5,215,323,848)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		48,471,513,073
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		821,924,610
- Tiền lãi vay đã trả	13		(7,624,249,825)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(8,638,395,475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7,068,233,334)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>93,129,413,287</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(23,542,130,277)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(65,255,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,452,492,045
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(73,344,638,232)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.24	126,960,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15, 22	28,919,457,540
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(214,253,635,990)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(25,850,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(58,400,028,450)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(38,615,253,395)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>128,714,275,030</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>90,099,021,635</b>

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào  
Kế toán trưởng

Trương Tuyết Phương  
Phó Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2010

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng, đánh bắt, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

### **6. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao từ 4 – 5 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

### **12. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD  
31/03/2010 : 18.544 VND/USD

### **16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	993.052.559	1.883.160.248
Tiền gửi ngân hàng	89.105.969.076	126.831.114.782
<b>Cộng</b>	<b><u>90.099.021.635</u></b>	<b><u>128.714.275.030</u></b>

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cho Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1 vay	77.955.000.000	26.700.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	12.500.000.000	12.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>90.455.000.000</u></b>	<b><u>39.200.000.000</u></b>

#### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải thu các khách hàng trong nước	7.628.980.551	8.732.417.595
Phải thu các khách hàng nước ngoài	290.895.445.822	295.707.889.556
<b>Cộng</b>	<b><u>298.524.426.373</u></b>	<b><u>304.440.307.151</u></b>

#### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung trong nước	13.795.002.868	32.138.989.718
Các nhà cung nước ngoài	155.394.397	5.709.044.377
<b>Cộng</b>	<b><u>13.950.397.265</u></b>	<b><u>37.848.034.095</u></b>

#### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1 – thu hộ tiền hàng	1.974.766.434	2.827.175.256
Phải thu khác	749.560.062	1.096.768.193
<b>Cộng</b>	<b><u>2.724.326.496</u></b>	<b><u>3.923.943.449</u></b>

#### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	27.377.053.099	15.659.170.057
Công cụ, dụng cụ	1.916.274.773	1.895.684.611
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.448.418.497	118.544.963.947
Thành phẩm	100.668.466.136	139.007.843.625
Hàng hóa	916.551.252	3.777.669
<b>Cộng</b>	<b><u>280.326.763.757</u></b>	<b><u>275.111.439.909</u></b>

#### 7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
--	-------------------	------------------

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Công cụ, dụng cụ	265.435.081	265.435.081			
Thành phẩm	15.099.499.923	20.556.432.335			
<b>Cộng</b>	<b><u>15.364.935.004</u></b>	<b><u>20.821.867.416</u></b>			
Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:					
Số đầu kỳ		20.821.867.416			
Trích lập dự phòng bổ sung		-			
Hoàn nhập dự phòng		(5.456.932.412)			
<b>Số cuối kỳ</b>		<b><u>15.364.935.004</u></b>			
<b>8. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>					
Số đầu kỳ		195.920.040			
Tăng trong kỳ		297.916.364			
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ		(179.315.065)			
<b>Số cuối kỳ</b>		<b><u>314.521.339</u></b>			
<b>9. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
Tạm ứng cho cán bộ nhân viên.		8.338.211.946			
<b>10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>					
	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	134.754.727.572	274.910.684.753	5.007.619.767	853.725.470	415.526.757.562
Mua sắm mới	-	371.609.300	-	-	371.609.300
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>134.754.727.572</u></b>	<b><u>275.282.294.053</u></b>	<b><u>5.007.619.767</u></b>	<b><u>853.725.470</u></b>	<b><u>415.898.366.862</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	13.767.045.947	86.559.743.756	2.071.341.836	466.823.759	102.864.955.298
Khấu hao trong kỳ	2.334.018.754	9.539.604.390	201.757.215	45.025.998	12.120.406.357
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>16.101.064.701</u></b>	<b><u>96.099.348.146</u></b>	<b><u>2.273.099.051</u></b>	<b><u>511.849.757</u></b>	<b><u>114.985.361.655</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	120.987.681.625	188.350.940.997	2.936.277.931	386.901.711	312.661.802.264
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>118.653.662.871</u></b>	<b><u>179.182.945.907</u></b>	<b><u>2.734.520.716</u></b>	<b><u>341.875.713</u></b>	<b><u>300.913.005.207</u></b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 194.545.049.624 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá	24.590.811.450	540.229.790	25.131.041.240
Số đầu kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.590.811.450</b>	<b>540.229.790</b>	<b>25.131.041.240</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	297.263.139	330.466.682	627.729.821
Khấu hao trong kỳ	52.458.201	20.686.458	627.729.821
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>349.721.340</b>	<b>351.153.140</b>	<b>700.874.480</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	24.293.548.311	209.763.108	24.503.311.419
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.241.090.110</b>	<b>189.076.650</b>	<b>24.430.166.760</b>

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá là 14.067.767.850 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công trình nhà xưởng số 1	13.565.351.190	25.047.080.619	-	-	38.612.431.809
Công trình nhà xưởng số 3	2.420.571.250	-	-	-	2.420.571.250
Chi phí xây dựng vùng nuôi	992.567.852	2.675.114.856	-	-	3.667.682.708
<b>Cộng</b>	<b>16.978.490.292</b>	<b>27.722.195.475</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>44.700.685.767</b>

### 13. Đầu tư vào công ty con

	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1	70,00%	69,80%	8.651.533.184
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	100,00%	100,00%	52.003.709.506
<b>Cộng</b>			<b>60.655.242.690</b>

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu kỳ	17.371.534.747
Tăng trong kỳ	675.933.800
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.616.459.709)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>16.431.008.838</b>

Một số công cụ dụng cụ có nguyên giá 2.836.802.000 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng:	121.152.000.000	276.252.854.450
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(*)</sup>	121.152.000.000	276.252.854.450
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22)	-	30.233.324.000
<b>Cộng</b>	<b><u>121.152.000.000</u></b>	<b><u>306.486.178.450</u></b>

(\*) Khoản vay hạn mức Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	276.252.854.450	28.919.457.540	-	(184.020.311.990)	121.152.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.233.324.000	-	-	(30.233.324.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>306.486.178.450</u></b>	<b><u>28.919.457.540</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(214.253.635.990)</u></b>	<b><u>121.152.000.000</u></b>

### 16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	154.922.834.445	102.545.895.714
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.032.662.107	998.763.450
<b>Cộng</b>	<b><u>155.955.496.552</u></b>	<b><u>103.544.659.164</u></b>

### 17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	269.021.205	1.020.027.068
Các khách hàng nước ngoài	636.800.960	175.314.446
<b>Cộng</b>	<b><u>905.822.165</u></b>	<b><u>1.195.341.514</u></b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(39.817.872)	4.118.204.989	(4.078.387.117)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(1.496.022.607)	-	(319.382.481)	(1.815.405.088)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.921.511.114	6.732.979.682	(8.638.395.475)	12.016.095.321
Thuế thu nhập cá nhân	76.669.450	111.637.643	(114.555.772)	73.751.321
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>12.462.340.085</u></b>	<b><u>10.965.822.314</u></b>	<b><u>(13.153.720.845)</u></b>	<b><u>10.274.441.554</u></b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty tạm tính theo số liệu kế toán

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### 19. Phải trả người lao động

Lương tháng 03 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

### 20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí lãi vay phải trả		283.719.247
Chi phí khác	425.380.580	394.249.862
<b>Cộng</b>	<b>425.380.580</b>	<b>677.969.109</b>

### 21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Kinh phí công đoàn	1.354.306.257	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội	605.475.799	577.514.590
Bảo hiểm y tế	69.342.486	-
Bảo hiểm thất nghiệp	14.985.091	-
Các khoản phải trả khác	1.228.452.409	2.293.093.013
<b>Cộng</b>	<b>3.317.962.042</b>	<b>4.137.963.977</b>

### 22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng Lãi suất Sibor 6 tháng + lãi suất biên USD cho khoản vay bằng USD và lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3 và phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất của khu đất 21.571,2 m<sup>2</sup> xây dựng nhà máy và khu đất 8.790m<sup>2</sup>.

#### **Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

Từ 1 năm trở xuống	
Trên 1 năm đến 5 năm	124.705.664.000
Trên 5 năm	22.888.822.693
<b>Tổng nợ</b>	<b>147.594.486.693</b>

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu kỳ	143.822.118.693
-----------	-----------------



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Chênh lệch tỷ giá	3.772.368.000
Số kết chuyển	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>147.594.486.693</b>

### 23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu kỳ	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	275.761.432
Số chi trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.304.235.112</b>

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ	325.680.000.000	92.448.000.000		196.903.618.649	615.031.618.649
Tăng trong kỳ	27.600.000.000	99.360.000.000	(6.011.325.984)	44.691.560.657	165.640.234.673
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	(6.732.979.682)	(6.732.979.682)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>353.280.000.000</b>	<b>191.808.000.000</b>	<b>(6.011.325.984)</b>	<b>234.862.199.624</b>	<b>773.938.873.640</b>

#### Cổ phiếu

	Số cuối năm
Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	32.568.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng trong kỳ	2.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	35.328.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.328.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng khác trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	7.215.500.614	-	(455.350.000)	6.760.150.614
Quỹ phúc lợi	1.465.321.734	63.000.000	(664.557.350)	863.764.384
<b>Cộng</b>	<b>8.680.822.348</b>	<b>63.000.000</b>	<b>(1.120.207.350)</b>	<b>7.623.914.998</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quý I/2010

Quý I/2009

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý I/2010</u>	<u>Quý I/2009</u>
Tổng doanh thu	<b>645.085.005.459</b>	<b>522.203.408.377</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	150.291.833.756	55.225.301.968
- Doanh thu bán thành phẩm	423.525.159.192	416.890.190.530
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	652.893.477	229.691.053
- Doanh thu nguyên vật liệu	1.122.957.520	377.377.340
- Doanh thu phế phẩm	69.492.161.514	49.480.847.486
Các khoản giảm trừ doanh thu:	597.289.119	6.974.610.571
- Hàng bán bị trả lại	580.412.196	6.918.253.501
- Giảm giá hàng bán	16.876.923	56.357.070
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>644.487.716.340</b>	<b>515.228.797.806</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	150.289.639.688	53.484.924.386
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	422.930.064.141	411.682.981.811
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	652.893.477	229.691.053
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	1.122.957.520	377.377.340
- Doanh thu thuần phế phẩm	69.492.161.514	49.453.823.216
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Quý I/2010</u>	<u>Quý I/2009</u>
Giá vốn của hàng hóa	140.877.503.847	50.575.598.495
Giá vốn của thành phẩm	336.426.382.001	347.843.162.664
Giá vốn của nguyên vật liệu	1.358.556.000	355.744.896
Giá vốn của phế phẩm	65.285.874.755	44.869.342.368
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.456.932.412)	(1.529.305.647)
<b>Cộng</b>	<b>538.491.384.191</b>	<b>442.114.542.776</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Quý I/2010</u>	<u>Quý I/2009</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	135.510.378	18.666.666
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	248.392.230	29.040.742
Lãi cho vay	1.316.981.667	1.971.038.339
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	480.783.942	1.610.651.546
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.051.078.463
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.569.769.601
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.043.974.287	278.659.603
<b>Cộng</b>	<b>19.225.642.504</b>	<b>11.528.904.960</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Quý I/2010</u>	<u>Quý I/2009</u>
Chi phí lãi vay	7.340.530.578	14.697.187.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.772.368.000	8.390.327.601
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.788.148.193	3.562.126.715

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>15.901.046.771</u>	<u>26.649.642.191</u>
<b>Cộng</b>		
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý I/2010</b>	<b>Quý I/2009</b>
Chi phí nhân viên	1.145.995.179	713.875.149
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	43.211.819	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	59.915.446	11.745.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.363.284.338	22.406.120.604
Chi phí bằng tiền khác	13.886.168.267	8.043.863.090
<b>Cộng</b>	<b>58.498.575.049</b>	<b>31.175.604.089</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý I/2010</b>	<b>Quý I/2009</b>
Chi phí nhân viên	1.991.909.891	1.479.286.133
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	139.129.030	190.985.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	308.182.626	249.991.935
Thuế, phí và lệ phí	137.163.935	35.298.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	582.750.000	326.340.000
Chi phí bằng tiền khác	3.141.483.188	1.057.567.356
<b>Cộng</b>	<b>6.300.618.670</b>	<b>3.339.469.871</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Quý I/2010</b>	<b>Quý I/2009</b>
Thu nhập khác	203.996.016	47.831.843
<b>Cộng</b>	<b>203.996.016</b>	<b>47.831.843</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	<b>Quý I/2010</b>	<b>Quý I/2009</b>
Chi phí khác	34.169.522	5.234.091
<b>Cộng</b>	<b>34.169.522</b>	<b>5.234.091</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Quý I/2010</b>
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Mua nguyên vật liệu	13.790.026.650
Bán hàng hóa	214.323.500

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Tại ngày 31/03/2010, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Các cá nhân có liên quan	1.621.569.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>1.621.569.000</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Quý I/2010</b>
<b>Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>	
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ,...	44.508.924.256
Bán phế phẩm, thức ăn thủy sản	1.849.666.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	111.977.193.979
Cho vay	65.255.000.000
Lãi cho vay	1.316.981.667
<b>Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>	
Bán thành phẩm, hàng hóa	192.522.110.277
<b>Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức</b>	
Bán nguyên liệu, hàng hóa	1.115.377.689
Bán thành phẩm	1.006.961.590
Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất	98.293.061.147

Tại ngày 31/03/2010, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Cuối quý I/2010</b>
<b>Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>	
Phải thu tiền cho vay	77.955.000.000
Phải thu tiền thu hộ	1.974.766.434
<b>Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</b>	
Phải thu tiền hàng	177.689.115.178
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>257.618.881.612</b>
<b>Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1</b>	
Mua hàng hóa, dịch vụ	31.051.320.532

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

	<b>Cuối quý I/2010</b>
Thu hộ tiền thức ăn viên	-
<b><i>Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuất khẩu Vạn Đức</i></b>	
Mua hàng hoá, nguyên vật liệu	42.020.789.174
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>73.072.109.706</b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 04 năm 2010

---

**Nguyễn Thị Kim Đào**  
Kế toán trưởng

---

**Trương Tuyết Phương**  
Phó Tổng Giám đốc